TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19-5-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
Khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khiếu
Bà Lê Thị Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái*** tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 37/2023/TLST–HNGĐ ngày 20-02-2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25-4-2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Trần Thị P** – sinh năm 1992
Địa chỉ: Thôn Quyết T, xã Tô M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

2. *Bị đơn:* anh **Trương Quốc T –** sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn Quyết T, xã Tô M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-02-2023, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Trần Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trương Quốc T kết hôn vào ngày 14-10-2010 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Tô Mậu, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hòa thuận nguyên nhân là do anh T ghen tuông vô cớ, xúc phạm đến gia đình. Mặc dù đã được khuyên giải nhiều lần, nhưng không có kết quả.

Chị và anh T đã sống ly thân 03 năm nay, không quan tâm đến nhau.

Nay xác định tình cảm không còn, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: chị và anh T có 02 con là Trương Thị Phương U, sinh ngày 27-4-2009 và Trương Minh H, sinh ngày 02-8-2012. Sau khi ly hôn, chị có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con Trương Minh H, còn anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Trương Thị Phương U. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn Trương Quốc T nhưng anh T không có mặt. Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014:

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Trần Thị P được ly hôn với anh Trương Quốc T.

Về con chung: Giao con Trương Thị Phương U, sinh ngày 27-4-2009 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Trương Minh H, sinh ngày 02-8-2012 cho chị Phương trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Trần Thị P và anh Trương Quốc T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tô M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2010 ngày 14-10-2010. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của nguyên đơn quá trình chung sống thực tế vợ chồng có mâu thuẫn, do chị P đi làm ăn xa và bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, không thể khắc phục được dẫn đến ly thân 03 năm nay. Lời khai của nguyên đơn là phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án tại Thôn Quyết T, xã Tô M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Phương vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị P và anh T có 02 con là Trương Thị Phương U, sinh ngày 27-4-2009 và Trương Minh H, sinh ngày 02-8-2012, căn cứ lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh của Tòa án xác định hiện tại các con đang sinh sống tại Thôn Quyết T, xã Tô Mậu, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có nơi ở và học tập ổn định. Cháu Uyên có nguyện vọng ở với bố, cháu Hằng có nguyện vọng ở với mẹ.

Điều 71 của Luật Hôn nhân và gia đình 2015 quy định: *"Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên…"*

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của con, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con Trương Thị Phương U cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Trương Minh H cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* chị Trần Thị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị P được ly hôn với anh Trương Quốc T.

2. Về con chung: giao cho chị Trần Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Trương Minh H, sinh ngày 02-8-2012 cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao cho anh Trương Quốc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Trương Thị Phương U, sinh ngày 27-4-2009 cho đến khi đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Trần Thị P phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0003440 ngày 14-02-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị P đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự*".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã Tô Mậu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.